

**BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBDT ngày /12/2024 của Ủy ban Dân tộc)

Tính đến ngày 24/12/2024, tổng hợp của 29/53 tỉnh/TP (địa phương), 07/21 bộ, ngành gửi báo cáo, trong đó các khó khăn vướng mắc được tổng hợp thành 05 nhóm sau:

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
1		Khó khăn chung do vùng DTTS&MN có vị trí địa lý, địa hình trải rộng, chia cách, phức tạp, nền tảng kinh tế, xã hội còn nhiều hạn chế không thuận lợi cho phát triển kinh tế của vùng, sinh kế của người dân và thực hiện các chính sách dân tộc
1.1	Cao Bằng	Đặc thù địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, xuất phát điểm kinh tế thấp, nhu cầu đầu tư lớn nhưng khả năng đáp ứng về ngân sách còn rất hạn chế. Mặc dù đã đầu tư một số hạng mục công trình cơ sở hạ tầng, nhưng do cơ sở hạ tầng còn thiếu và yếu, chưa đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đến nay đời sống của đồng bào các DTTS vẫn còn gặp khó khăn; một bộ phận đồng bào còn đói giáp hạt, chênh lệch mức thu nhập của các vùng, giữa các dân tộc trong tỉnh còn lớn. Trình độ dân trí của một số vùng trên địa bàn thấp, chưa chủ động trong phát triển kinh tế gia đình, còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; một số chương trình, dự án đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc có nhu cầu kinh phí đầu tư lớn, nguồn vốn đầu tư của chương trình MTQG chưa đảm bảo... Một số chính sách đã không còn phù hợp với tình hình kinh tế, thị trường trong giai đoạn hiện nay ¹ .
1.2	Hòa Bình	Kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN vẫn chậm phát triển; đời sống người dân còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn vẫn cao so với khu vực khác. Hệ thống cơ sở hạ tầng vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn

¹ Như: (i) Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ: đối tượng được hưởng chế độ bán trú, chưa có đối tượng là học viên các cơ sở giáo dục thường xuyên học chương trình giáo dục phổ thông; đối với các trường phổ thông không phải trường PTDTBT nhưng có học sinh bán trú và cũng thực hiện các công tác bán trú; tuy nhiên chưa có quy định về chế độ về hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện công tác bán trú tại các trường này; (ii) Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về mức học bổng học sinh các trường PTDTNT (hưởng 80% mức lương cơ bản) là thấp, chưa thực sự đảm bảo cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh; một số quy định về chế độ tài chính và trang cấp vật phẩm cá nhân cho học sinh đã không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		tỉnh còn thiếu; chất lượng sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh thấp. Một số ít bộ phận người dân còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.
1.3	Kon Tum	<p>- Kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tuy đã có bước phát triển nhưng chưa toàn diện; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS vẫn còn khó khăn, nhất là đồng bào DTTS ở khu vực III, II. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là người DTTS chiếm tỷ lệ khá cao so với tổng số hộ nghèo trên toàn tỉnh.</p> <p>- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số cơ sở giáo dục còn thiếu, chưa đồng bộ so với yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục địa phương hiện hành và Chương trình Giáo dục địa phương 2018, nhất là thiết bị thí nghiệm, thực hành; hệ thống nhà ăn, nhà bếp, nhà nội trú, của nhiều trường phổ thông dân tộc bán trú còn thiếu so với nhu cầu</p>
1.4	Lào Cai	Tỷ lệ hộ nghèo người DTTS còn cao, khoảng cách mức thu nhập của đồng bào DTTS ở nông thôn còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Một số tập quán lạc hậu chưa được cải tạo triệt để. Kết cấu hạ tầng nông thôn đã được đầu tư xây dựng, song chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp
1.5	Ninh Bình	Kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN đã có bước phát triển trong những năm qua nhưng vẫn là vùng khó khăn của tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo cao so với mức trung bình toàn tỉnh. Việc hỗ trợ sản xuất, sinh kế cho đồng bào hiệu quả chưa rõ rệt; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Phần nhiều các mô hình phát triển kinh tế còn nhỏ lẻ, phân tán, chất lượng hàng hóa chưa cao, sức cạnh tranh thấp, giá trị gia tăng chưa cao, chưa tạo được nhiều chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tình hình an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.
1.6	Quảng Trị	<p>- Kinh tế chậm phát triển so với tiềm năng của vùng và chưa bền vững; kết cấu hạ tầng KT-XH vẫn còn thiếu và yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; một số vấn đề trong đời sống của đồng bào DTTS như: thiếu đất ở, đất sản xuất... giải quyết chưa hiệu quả;</p> <p>- Đời sống của đồng bào vùng DTTS&MN còn có nhiều khó khăn; công tác xóa đói, giảm nghèo tuy có tiến bộ, song tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn cao so với miền xuôi; công tác giảm nghèo chưa bền vững; chênh lệch mức sống giữa vùng đồng bào DTTS với mặt bằng chung cả nước chậm được thu hẹp.</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		- Chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực vùng DTTS&MN vẫn còn thấp. Việc thực hiện một số chính sách ưu đãi về giáo dục cho vùng DTTS&MN thu được những kết quả nhất định nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, nguồn cán bộ người DTTS cho sự phát triển bền vững của vùng.
1.7	Son La	Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa được đầu tư đồng bộ; chất lượng các công trình nước sinh hoạt tập trung đã được đầu tư trong những năm qua đang dần xuống cấp, nguồn nước cạn kiệt; tình trạng ô nhiễm môi trường do sử dụng hóa chất trong chăn nuôi, trồng trọt, trong khai thác khoáng sản, xử lý bảo quản nông sản trở thành một thách thức lớn đối với vùng dân tộc, miền núi của tỉnh. Chất lượng giáo dục, y tế còn có mặt hạn chế; sự chênh lệch về nhận thức, khả năng tiếp cận, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, môi trường, giữa đồng bào các DTTS với người đa số, giữa vùng đồng bào DTTS với vùng xuôi chênh lệch lớn. Một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các DTTS đang dần bị mai một; tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống chưa được giải quyết triệt để. Còn tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây phức tạp về an ninh trật tự như buôn bán, tàng trữ, sử dụng ma túy; tái trồng cây thuốc phiện; tranh chấp đất đai; hoạt động tôn giáo trái pháp luật. Đây là thách thức không nhỏ đối với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cũng là những vấn đề cần được tập trung, quan tâm giải quyết của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị.
1.8	Tuyên Quang	Tình hình kinh tế, đời sống của đồng bào DTTS ở vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế hộ chưa đáp ứng được với yêu cầu. Công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS chưa bền vững; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong đồng bào DTTS còn cao. Cơ sở hạ tầng ở một số xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.
1.9	Vĩnh Long	Các hoạt động sản xuất và buôn bán nông sản của người dân đồng bào DTTS còn gặp nhiều khó khăn; giá cả hàng hóa tăng, một số mặt hàng nông sản, giá không ổn định, thu nhập đại bộ phận người DTTS sụt giảm... đã ảnh hưởng nhất định đến công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
1.10	Hậu Giang	- Đời sống của người dân ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS của tỉnh vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; điều kiện sống mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với các khu vực khác của địa phương. Bên cạnh đó nhận thức, trình độ văn hóa của

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		<p>đồng bào DTTS còn hạn chế nên công tác tuyên truyền, vận động về các chú trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc cũng gặp khó khăn, hiệu quả chưa cao.</p> <p>- Cơ sở vật chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS một số nơi còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu; việc triển khai lồng ghép một số chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS hiệu quả chưa cao, chưa tạo thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong vùng có đông đồng bào DTTS</p>
1.11	Trà Vinh	<p>- Kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào DTTS tuy có tập trung đầu tư và phát triển, nhưng vẫn chuyển biến còn chậm, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo người DTTS còn cao so với tổng số hộ nghèo, cận nghèo chung của tỉnh; hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, nhưng vẫn chưa đảm bảo; huy động nguồn lực trong dân còn hạn chế; một số nơi đề ra giải pháp tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng DTTS hiệu quả chưa cao. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào DTTS từng lúc, từng nơi còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định do các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.</p>
1.12	Yên Bái	<p>- Đời sống của một bộ phận Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS còn gặp khó khăn. Chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS còn cao; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường chuyển biến chậm.</p> <p>- Sản xuất nông nghiệp mặc dù đã chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung vẫn còn nhỏ lẻ, phân tán, chưa hình thành được vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; một số chuỗi liên kết phát triển sản xuất chưa thực sự bền vững. Thị trường tiêu thụ đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp thiếu ổn định, tình hình thiên tai dịch bệnh diễn biến ngày một phức tạp, khó lường.</p> <p>- Kết cấu hạ tầng vùng dân tộc thiểu số của tỉnh tuy đã được tăng cường đầu tư, song còn thiếu so với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, sinh hoạt của người dân, nhất là các xã, thôn bản vùng sâu, vùng xa. Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa ở vùng DTTS so với mặt bằng chung của tỉnh vẫn còn thấp. Việc triển khai một số chương trình, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS còn chậm. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS chưa đồng đều...</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
1.13	Tây Ninh	Chế độ thông tin báo cáo của cơ quan thực hiện công tác dân tộc cấp huyện chưa đảm bảo kịp thời theo quy định, phần nào ảnh hưởng cho công tác cập nhật thông tin, nắm tình hình vùng đồng bào DTTS.
1.14	Quảng Nam	Tình hình miền núi: đời sống sản xuất của người dân trên địa bàn huyện miền núi vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của 09 huyện miền núi còn cao ² . Tình trạng cháy nhà, cháy rừng còn xảy ra.
1.15	Kiên Giang	Đời sống, kinh tế của một bộ phận đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng DTTS còn cao so với cộng đồng; khoảng cách thu nhập bình quân của đồng bào DTTS ở nông thôn còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh.
1.16	Bộ Tư pháp	Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn nên đã phần nào ảnh hưởng đến việc triển khai hoạt động, sự tiếp cận của người dân với dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí của Nhà nước.
1.17	Bộ Nội vụ	Một số chính sách liên quan đến đội ngũ cán bộ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, vùng DTTS còn chậm được sửa đổi, bổ sung; các quy định còn thiếu cụ thể đối với từng khu vực và từng nhóm đối tượng người dân tộc thiểu số, chưa thực sự động viên, khuyến khích cán bộ công chức, viên chức người DTTS tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
1.18	Bộ Tài chính	- Một số chính sách chưa được ban hành, do đó chưa có căn cứ để thực hiện đồng bộ, như chính sách thu hút nhân tài, cách thức sử dụng người có tài năng sau khi được thu hút, môi trường làm việc, sự thăng tiến, chế độ đãi ngộ,... chưa được thể chế hóa. - Nhiều đơn vị, địa phương, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc của công chức, viên chức hiện còn có hạn chế; vị trí địa lý thuộc các vùng núi và trung du nên việc di chuyển đến các địa điểm học tập và làm việc còn khó khăn.
1.19	Bộ Nông nghiệp và	Việc triển khai Tiểu dự án 1 Dự án 3 trong Chương trình MTQG còn một số vướng mắc, chưa thống nhất trong cơ chế, chính sách tại các văn bản hướng dẫn nên khó khăn cho các địa phương

² Theo kết quả điều tra năm 2023 tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam thì tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 như sau: Tây Giang 50,61%, Đông Giang 37,46%, Nam Trà My 36,30%, Bắc Trà My 34,56%, Nam Giang 35,58%, Phước Sơn 27,64%, Nông Sơn 7,25%, Tiên Phước 3,42%, Hiệp Đức 6,43%.

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
	Phát triển nông thôn	<p>khi thực hiện. Nội dung này đã được Thủ tướng Chính phủ nêu tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Bộ Nông nghiệp và PTNT đang sửa đổi, ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT.</p>
1.20	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm bắt đầu triển khai, tại một số địa phương còn chậm trong việc phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách, dẫn đến việc giải ngân của NHCSXH chưa kịp thời đến đối tượng thụ hưởng của Chương trình. Đến thời điểm hiện tại vẫn còn 02 địa phương đang trong quá trình rà soát đối tượng vay vốn (Hà Nội, Quảng Ninh). - Tại một số địa phương, không còn hoặc chưa bố trí được quỹ đất ở/đất sản xuất để bố trí giao đất cho hộ dân hoặc đất chủ yếu là đất nông nghiệp, chưa chuyển đổi mục đích, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân; một số người dân có tên trong danh sách đối tượng thụ hưởng nhưng quá trình triển khai cho vay thì nhiều hộ dân lại không có nhu cầu vay vốn hoặc không đủ điều kiện thụ hưởng chính sách. - Trong quá trình triển khai, thực hiện, các địa phương phải rà soát, điều chỉnh lại nhu cầu vay vốn do thời điểm dự kiến nhu cầu vốn của chương trình so với hiện nay có sự biến động giảm về số hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS hằng năm, nhiều xã đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới nên hộ gia đình thuộc đối tượng thụ hưởng nay đã thoát nghèo, không còn nằm trong vùng thụ hưởng chính sách. Giai đoạn 2024-2025, NHCSXH đã tổng hợp nhu cầu vốn từ các địa phương (chưa tính tới trường hợp sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg theo hướng mở rộng đối tượng. nâng mức cho vay...), theo đó, nhu cầu vay vốn tại vùng đồng bào DTTS&MN khoảng 1.550 tỷ đồng, trong đó năm 2024 là 800 tỷ đồng, năm 2025 là 750 tỷ đồng. Như vậy, dự kiến đến 31/12/2025, dư nợ cho vay tại NHCSXH theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP đạt khoảng 3.800 tỷ đồng/19.727 tỷ đồng (đạt khoảng 19%) (thấp hơn nhiều so với dự kiến vốn vay tín dụng chính sách tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 19.727 tỷ đồng). - Việc triển khai Nghị định số 28/2022/NĐ-CP gặp khó khăn do nguồn vốn bố trí cho NHCSXH để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP trong giai đoạn 2024-2025 chưa được xác định cụ thể, vì vậy, từ đầu năm 2024 NHCSXH chỉ thực hiện giải ngân các chính sách tín dụng ưu đãi thuộc Chương trình từ nguồn ngân sách địa phương. Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, rà soát, đề xuất

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn thực hiện chính sách trong giai đoạn 2024 - 2025 (nhiệm vụ được giao tại khoản 4, Điều 37 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP).
2		Khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, giai đoạn I từ năm 2021-2025
2.1	Bình Định	Công tác triển khai thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN của các địa phương còn chậm, kết quả giải ngân vốn chưa cao; nhiều nội dung khó thực hiện.
2.2	Bình Phước	Một số vấn đề khó khăn, bất cập trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN từ những năm trước đến nay vẫn chưa tìm được giải pháp tháo gỡ ³ .
2.3	Đắk Nông	Trong năm 2024 việc triển khai một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội còn gặp một số khó khăn tồn tại cần tháo gỡ:(i) Thuộc thẩm quyền của Trung ương ⁴ ; (ii) Thuộc thẩm quyền của địa phương ⁵
2.4	Gia Lai	- Việc giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MTN có nhiều chuyên biến; tuy nhiên kết quả giải ngân còn chưa được như yêu cầu,

³ Tỉnh có 06/07 Trường Dân tộc nội trú không nằm trên địa bàn vùng DTTS&MN nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện; Đối tượng, địa bàn thụ hưởng của tỉnh đã giảm nhiều so với kế hoạch đầu giai đoạn, dẫn đến không phân bổ được hết kế hoạch nguồn vốn được Trung ương giao hoặc vốn phân bổ không thực hiện giải ngân được; Định mức hỗ trợ một số chính sách thấp hơn thực tế đang thực hiện tại tỉnh,...

⁴ - Việc triển khai thực hiện một số dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia nói chung còn vướng mắc do nằm trong vùng quy hoạch bỏ xít.

- Chương trình MTQG DTTS&MN còn một số nội dung chưa được hướng dẫn, cụ thể: (1) Thực hiện việc lồng ghép các nguồn vốn theo quy định tại Mục VI Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Hướng dẫn, Quy định thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù (hiện nay Ủy ban Dân tộc đã có văn bản đề nghị các địa phương tạm dừng triển khai thực hiện). Hiện nay, đối tượng thụ hưởng các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là hộ nghèo DTTThuộc địa bàn thôn, xã đặc biệt khó khăn đã giảm mạnh so với kế hoạch đã đề ra từ đầu Chương trình, cụ thể: Năm 2022 toàn tỉnh Đắk Nông có 12.789 hộ DTTThuộc, chiếm 27,98% thì đến nay giảm còn 6.419 hộ, chiếm 13,24% (giảm 6.370 hộ, tương ứng với 14,74%), bên cạnh đó nguồn vốn được chuyển từ các năm trước sang năm 2024 nhiều dẫn đối tượng thụ hưởng bị hạn chế.

- Việc thực hiện điều chuyển nguồn vốn theo số cơ chế, chính sách đặc thù của Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội trong quá trình thực hiện gặp khó khăn, lúng túng.

⁵ - Việc xây dựng, hoàn thiện một số cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương trong năm 2022 và 2023 chậm ảnh hưởng đến thực hiện giải ngân nguồn vốn.
- Việc lựa chọn, đề xuất danh mục dự án đầu tư có một số địa phương chưa thực hiện kỹ càng, chưa đảm bảo khả thi ảnh hưởng đến thực hiện đầu tư dự án; bên cạnh đó, công tác lập, thẩm định, quyết định đầu tư chưa kịp thời.

- Một số địa phương đang còn thiếu các quy hoạch, như: Quy hoạch chung của cấp huyện, cấp xã; quy hoạch về nông thôn mới, khu dân cư tập trung, quy hoạch đô thị và các quy hoạch khác có liên quan. Do vậy, việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư gặp nhiều khó khăn.

- Một số hộ gia đình đang có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, chưa chủ động, phấn đấu vươn lên, làm ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai thực hiện Chương trình; vì vậy kết quả đạt được ở những nơi này có sự chênh lệch chậm và có sự chênh lệch ngày càng lớn đối với các địa phương khác.

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		<p>đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp . Ngoài ra một số Dự án, Tiểu dự án còn gặp khó khăn vướng mắc, chưa được giải quyết triệt để, cụ thể:</p> <p>+ Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: cơ chế thực hiện tại giai đoạn này quy định vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương chỉ thực hiện được khi địa phương có điều kiện về đất sản xuất, sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để giao đất sản xuất cho các đối tượng hỗ trợ, do đó, đối với địa phương không còn quỹ đất sản xuất không sử dụng được kinh phí trung ương phân bổ, bên cạnh đó định mức hỗ trợ còn thấp so với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thời điểm hiện tại nên đối tượng được hỗ trợ (hộ nghèo DTTS) không có điều kiện bổ sung thêm vốn để được hỗ trợ chuyển nhượng tạo quỹ đất ở và đất sản xuất theo nhu cầu. Nguồn vốn cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ năm 2024 đến nay chưa cấp về cho tỉnh để bố trí cho đối tượng thuộc Chương trình vay vốn.</p> <p>+ Tiểu dự án 1 - Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Theo khoản 2 Điều 20 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định đối tượng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất: “2. Hộ gia đình thực hiện trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch phát triển rừng sản xuất được giao”, tuy nhiên chưa có kinh phí đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền đối với các đối tượng được hỗ trợ để khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp. Đối với hoạt động hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ, tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ quy định một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp chưa quy định cụ thể lập hồ sơ thiết kế, dự toán đối với hình thức hỗ trợ đầu tư, theo đó nếu vận dụng thực hiện theo quy định thì phần lớn các hộ gia đình thực hiện trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ chưa có đủ năng lực, trình độ để tự xây dựng thiết kế, dự toán. Trường hợp thuê đơn vị tư vấn có năng lực về lĩnh vực Lâm nghiệp để xây dựng thiết kế, dự toán trồng rừng sản xuất thì chi phí để chi trả công thiết kế, dự toán lớn vì đa phần các hộ gia đình thực hiện trồng rừng sản xuất trên phần diện tích manh mún, nhỏ lẻ, không tập trung, do vậy các hộ gia đình không</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		<p>có đủ chi phí để chi trả cho việc xây dựng thiết kế, dự toán trồng rừng sản xuất theo đúng quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.'</p> <p>+ Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN: Đối tượng và định mức thực hiện một số nội dung thuộc tiểu dự án còn chưa phù hợp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; Trường Trung cấp và Trường cao đẳng. Vì vậy, một số Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên chưa thuộc đối tượng thụ hưởng kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị từ các nội dung về giáo dục nghề nghiệp của Chương trình, gây khó khăn trong việc giải ngân nguồn vốn và đảm bảo chất lượng đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn; mức hỗ trợ tiền ăn cho người lao động tham gia đào tạo nghề trong thực hiện các Chương trình mục tiêu còn thấp so với thực tế (Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 của Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền ăn là 30.000 đồng/người/ngày thực học), do đó khó huy động đối tượng tham gia.</p> <p>4- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Việc thành lập các mô hình theo Dự án cơ bản đạt chỉ tiêu giai đoạn đề ra, tuy nhiên, việc duy trì hoạt động của các mô hình đã thành lập chưa đảm bảo do các văn bản hướng dẫn thực hiện Dự án không có quy định về kinh phí để duy trì, tổ chức các hoạt động của các mô hình. Một số định mức chi cho các hoạt động của Dự án tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính còn thấp so với yêu cầu triển khai và duy trì các mô hình của Dự án ở địa bàn đặc biệt khó khăn; chưa có quy định cụ thể để hỗ trợ cho hội viên phụ nữ, người dân tham gia các hoạt động của Dự án (ví dụ: định mức chi hỗ trợ thành lập và vận hành Tổ truyền thông, CLB thủ lĩnh của sự thay đổi 3 triệu/mô hình, chỉ hỗ trợ 01 lần duy nhất cho mô hình không đủ để triển khai một số buổi truyền thông/sinh hoạt mẫu để giúp mô hình có thể đủ năng lực; không có quy định chi hỗ trợ cho đại biểu không hưởng lương tham gia Hội nghị đối thoại chính sách và tham gia các hoạt động truyền thông); Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT, ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 hiện nay đang thực hiện trong hệ thống Hội chưa đảm bảo phù hợp với Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính (thời điểm ban hành</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		<p>Trung ương Hội căn cứ vào Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính để thực hiện).</p> <p>+ Tiểu dự án 1 - Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: tạm dừng triển khai nội dung hỗ trợ đầu tư có thu hồi đối với hộ DTTS còn nhiều khó khăn thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi theo Công văn số 1017/UBND-DTTS ủy ban Dân tộc.</p> <p>+ Ngày 18/01/2024, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 111/2024/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đề tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho địa phương. Đến ngày 23/7/2024 Bộ Kế hoạch Đầu tư có Văn bản số 5817/BKHĐT-TCTT về việc trả lời kiến nghị của địa phương về tổ chức thực hiện Nghị Quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội. Triển khai Nghị quyết số 111/2024/QH15, các sở ngành tỉnh đã phối hợp tham mưu HĐND, UBND ban hành các Nghị quyết, Quyết định điều chỉnh vốn tại các nội dung, dự án chưa đủ điều kiện giải ngân hoặc không còn đối tượng thực hiện sang các dự án có khả năng giải ngân cao. Ngày 14/10/2024, HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: Nghị quyết số 418/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Nghị quyết số 419/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Nghị quyết số 420/NQ-HĐND điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm dự toán năm 2022 và năm 2023) đã được chuyển nguồn sang năm 2024 và điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (đợt 2). Hiện nay, HĐND, UBND các huyện đang triển khai các Nghị quyết điều chỉnh của HĐND tỉnh để điều chỉnh giao vốn cho các đơn vị trực tiếp triển khai, giải ngân nguồn vốn cấp huyện, xã theo quy định. Tuy nhiên thời gian triển khai thực hiện nguồn vốn được điều chỉnh quá ngắn (chỉ còn 2 tháng thực hiện sau khi Nghị quyết điều chỉnh của HĐND tỉnh ban hành). Do đó, đây cũng còn là một khó khăn của các đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện nguồn vốn được giao trong việc thực hiện đây mạnh tiên độ giải ngân vốn các Chương trình MTQG theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>+ Đối với nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình phân bổ cho các Dự án, Tiểu dự án phần lớn để thực hiện nội dung tập huấn, tuyên truyền. Do đó việc triển khai nhiều dự án trong cùng một</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		thời gian của các ban, ngành, đoàn thể dẫn đến việc tập hợp, thu hút đối tượng tham dự các Hội nghị còn hạn chế, ảnh hưởng đến kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn của từng nội dung, dự án.
2.5	Đắk Nông	Việc bố trí vốn đối ứng của tỉnh (cấp tỉnh và cấp huyện) chưa đảm bảo theo yêu cầu.
2.6	Hà Giang	<p>Đối với Chương trình MTQG DTTS&MN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Năm 2023 triển khai cho các hộ dân vay theo theo Nghị Quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 Về Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/NQ15 của Quốc hội về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình (trong đó có Chương trình cho vay đối với hộ nghèo làm nhà ở theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Tuy nhiên năm 2024, Nghị Quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 đã hết thời hạn thực hiện nên chưa cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai (NHCSXH chưa thực hiện giải ngân). - Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Đối với chính sách hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép, Thông tư số 55/2023/TT-BTC chưa quy định về nội dung chi và định mức chi nên khó khăn cho cơ sở triển khai thực hiện. - Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị <p>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Đối với nội dung hỗ trợ trồng rừng phòng hộ: Thông tư số 12/2022/TTBNNPTNT không có quy định về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật để làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán lâm sinh để xác định chi phí cho cả giai đoạn trồng và chăm sóc rừng phòng hộ của từng năm. Ngày 24/5/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2024/NĐ-CP về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2024). Tuy nhiên, hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính chưa ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện theo chính sách mới. Do vậy địa phương không có cơ sở để triển khai thực hiện.</p> <p>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN: Nội dung chi triển khai đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm; chi khác về quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình chưa quy định cụ thể trong 5% tổng kinh 3 phí thực hiện hoạt động hỗ trợ PTSX, vì vậy, địa phương gặp khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		<p>- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: Theo quy định của Chương trình, công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán thực hiện theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC và quy định của pháp luật chuyên ngành về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình. Tuy nhiên, địa phương gặp khó khăn khi thực hiện nội dung, do chưa có văn bản pháp lý hướng dẫn công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán hồ sơ dự án hoàn thành đối với các công trình duy tu, sửa chữa sau đầu tư.</p> <p>- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đối với Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Chưa có hướng dẫn cụ thể về báo viên cấp Trung ương, cấp tỉnh, hay cấp huyện trực tiếp làm giảng viên hoặc báo cáo viên.</p> <p>- Dự án 7. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Nội dung “Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số”, cụ thể: Đối với triển khai Mô hình chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời: Tại Thông tư số 55/TT-BTC, phần hướng dẫn thực hiện Mô hình không có hướng dẫn chi in tài liệu truyền thông (tranh lật, poster, tờ rơi...).</p> <p>Đối với thực hiện gói chăm sóc sức khỏe trẻ em: Tại điểm b, khoản 4, điều 35, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chưa cụ thể đối với nội dung chi hỗ trợ cơ sở y tế khám sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 2 tuổi; không có mục chi mua túi cho Nhân viên y tế thôn bản.</p> <p>Đối với nội dung “Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em”: Chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Mô hình truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em thông qua già làng, trưởng bản, người có uy tín và Mô hình Góc thí điểm truyền thông về chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thanh niên... tại một số trường Phổ thông Dân tộc nội trú.</p> <p>- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng mô hình thay đổi nếp nghĩ cách làm nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ chưa có hướng dẫn cụ thể hoạt động thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		<p>- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Trong quá trình tổ chức thực hiện Tiêu dự án 2: ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN, do Ủy ban Dân tộc chưa ban hành hướng dẫn các nội dung quy định tại mục IV, Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy Ban Dân tộc; chưa hướng dẫn, thống nhất phương án giải pháp về tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết bị phòng họp trực tuyến. Nên các địa phương không có cơ sở để thực hiện.</p>
2.7	Hòa Bình	<p>Còn một số bất cập, chưa rõ ràng và thống nhất trong các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN; công tác tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung, tiểu dự án, dự án và giải ngân nguồn vốn Chương trình tại một số cơ quan, đơn vị còn chậm.</p>
2.8	Kon Tum	<p>- Hiện nay còn nhiều nội dung trùng lặp giữa các chương trình⁴⁰; một số nội dung chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể (Tiêu chí xác định thời gian chưa tụt được lương thực; tiêu chí xác định người lao động có thu nhập thấp; quy định về cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ chủ trì liên kết (doanh nghiệp, hợp tác xã) và quản lý tài sản hình thành sau đầu tư;...); một số nội dung, đối tượng không thuộc đối tượng thụ hưởng (Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện); nguồn kinh phí sự nghiệp bố trí cho nhiều nội dung, hoạt động quá lớn, trong khi nhu cầu, đối tượng thực tế thấp (hỗ trợ bảo vệ rừng, trợ cấp gạo;...) hoặc không có đối tượng hỗ trợ (chuyển đổi nghề; hỗ trợ đào tạo dự bị đại học, đại học; hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp;...).</p> <p>- Tiến độ giải ngân Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt tỷ lệ thấp. Khả năng huy động các nguồn lực đầu tư vào vùng đồng bào DTTS và miền núi còn khó khăn; việc lồng ghép các nguồn lực vẫn chưa đồng bộ.</p> <p>- Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về chương trình, chính sách (hình thức, cách thức thực hiện) cho người dân và đối tượng thụ hưởng chưa phù hợp.</p>
2.9	Lào Cai	<p>Tiến độ giải ngân nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG còn chậm, nhất là nguồn vốn sự nghiệp. Đặc biệt là các dự án về hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ sắp xếp dân cư, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp,... ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách cũng như việc thụ hưởng của người dân.</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
2.10	Phú Thọ	Chương trình MTQG DTTS&MN là Chương trình mới, được tích hợp từ nhiều các chương trình, dự án chính sách cho vùng DTTS&MN, hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành, cơ chế hướng dẫn nhiều với sự tham gia chủ trì, hướng dẫn của nhiều bộ, ngành trung ương khác nhau, do vậy, quá trình tiếp cận, nghiên cứu, triển khai thực hiện của đội ngũ cán bộ, công chức triển khai Chương trình gặp rất nhiều khó khăn.
2.11	Vĩnh Phúc	Một số địa phương cấp huyện, cấp xã chưa chủ động trong triển khai thực hiện chính sách dân tộc, còn phụ thuộc vào chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc của cấp trên, kết quả đạt thấp nhất là trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.
2.12	Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình MTQG còn chậm, có những nội dung đến nay chưa được thực hiện do vướng mắc về cơ chế, chính sách như: nội dung hỗ trợ đất ở, đất sản xuất của dự án 1; nội dung hỗ trợ gạo cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thuộc tiểu dự án 1 của dự án 3; nội dung đầu tư, phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc tiểu dự án 2 của dự án 3; nội dung bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số, đào tạo đại học và sau đại học thuộc tiểu dự án 2 của dự án 5; nội dung sử dụng vốn đầu tư công thuộc tiểu dự án 2 của dự án 10. - Tỷ lệ giải ngân vốn Chương trình còn thấp; UBND các huyện chưa bố trí đủ vốn đối ứng tối thiểu 5% thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh. - Việc rà soát số liệu để làm cơ sở phân bổ vốn và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm của các huyện chưa sát với nhu cầu thực tế và kế hoạch giai đoạn đã được phê duyệt gây khó khăn trong công tác tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ vốn và thực hiện. - UBND các huyện chưa bố trí đủ vốn đối ứng tối thiểu 5% thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.
2.13	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kết quả thực hiện các tiêu chí, đạt chuẩn nông thôn mới của các địa phương khu vực khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN chênh lệch khá lớn so với vùng miền khác của cả nước. Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới của các địa phương khu vực khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN chênh

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		<p>lệch khá lớn so với vùng, miền khác của cả nước. Vẫn còn 04 tỉnh⁶ thuộc khu vực miền núi phía Bắc, có tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM dưới 30%; còn 05 tỉnh chưa có đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM⁷. Đặc biệt, đến nay vẫn còn 15 huyện nghèo thuộc 12 tỉnh “<i>trắng xã NTM</i>”⁸. Còn có sự chênh lệch giữa vùng có tỷ lệ cao về người nghèo, đồng bào DTTS sinh sống; dân cư sống phân tán, nguồn nước khó khăn; người dân sử dụng nước sạch đạt tỷ lệ thấp hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước, như vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên.</p>
2.14	Bộ Tài chính	<p>- Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó, có giao các Bộ, cơ quan Trung ương chủ quản các chương trình tham mưu hoặc ban hành các quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, hiện công tác hoàn thiện thể chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG từ Trung ương đến địa phương còn chậm, chưa kịp thời, đồng bộ, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các khâu từ phân bổ, giao kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn thực hiện tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Theo đó, đến nay vẫn còn một số cơ chế Trung ương chưa ban hành dẫn đến các địa phương còn lúng túng trong thực hiện.</p> <p>- Chương trình trên địa bàn các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN; trong khi đó, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trụ sở không nằm trên địa bàn đầu tư. Đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ gạo chủ yếu là đồng bào dân tộc, thuộc các huyện nghèo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; tại các địa phương có nguồn thu ngân sách còn hạn chế, hệ thống giao thông không thuận lợi; ảnh hưởng của phong tục tập quán, trình độ văn hóa vùng miền... dẫn đến một số khó khăn trong việc lập, thẩm định kế hoạch bố trí vốn, đầu tư, thanh quyết toán nội dung đầu tư cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức này.</p>

⁶ Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên.

⁷ Gồm: Cao Bằng, Điện Biên, Quảng Bình, Khánh Hòa, Kon Tum.

⁸ Gồm: Huyện Bảo Lâm, huyện Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng); huyện Mù Căng Chải (tỉnh Yên Bái); huyện Pắc Nặm (tỉnh Bắc Kạn); huyện Tủa Chùa, huyện Điện Biên Đông, huyện Mường Chà (tỉnh Điện Biên); huyện Mường Lát (tỉnh Thanh Hóa); huyện Quế Phong (tỉnh Nghệ An); huyện Nam Giang (tỉnh Quảng Nam); huyện Sơn Tây (tỉnh Quảng Ngãi); huyện Khánh Sơn (tỉnh Khánh Hòa); huyện Bắc Ái (tỉnh Ninh Thuận); huyện Tuy Đức (tỉnh Đắk Nông); huyện Tu Mơ Rông (tỉnh Kon Tum).

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
3		Khó khăn về nhân lực, năng lực tổ chức bộ máy triển khai thực hiện chương trình, chính sách dân tộc
3.1	Bình Phước	Bộ máy, biên chế của cơ quan làm công tác dân tộc tỉnh vẫn đang trong quá trình sắp xếp, kiện toàn nên việc tham mưu cho Cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN gặp khó khăn, tiến độ thực hiện nhiệm vụ còn chậm.
3.2	Đắk Nông	Việc bố trí cán bộ phụ trách thực hiện các Chương trình ở một số cơ quan, đơn vị và địa phương chưa đáp ứng đầy yêu cầu nhiệm vụ, công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, tham mưu chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia còn hạn chế.
3.3	Lào Cai	Đội ngũ cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị tuy đã được quan tâm nhưng cơ cấu vẫn chưa hợp lý.
3.4	Quảng Trị	Hệ thống chính trị cơ sở một số nơi còn yếu, đặc biệt thiếu đội ngũ cán bộ người DTTS hoặc có nhưng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ vẫn còn bất cập; chưa có giải pháp tích cực nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò của đội ngũ người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN.
3.5	Tuyên Quang	Việc tuyển dụng bố trí cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên người DTTS tốt nghiệp hệ cử tuyển làm việc trong các cơ quan nhà nước còn hạn chế.
3.6	Kiên Giang	Đội ngũ cán bộ, công chức được phân công làm công tác dân tộc ở các cấp, số lượng, chất lượng tham mưu còn hạn chế về năng lực, chưa đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. -
3.7	Bộ Tư pháp	Việc nâng cao năng lực cho các công chức thi hành án dân sự, đội ngũ hòa giải viên là người dân tộc thiểu số, hòa giải viên ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi chưa đáp ứng được yêu cầu do hoàn cảnh gia đình khó khăn và kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành còn hạn chế nên chưa tích cực, chủ động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực tổ chức bộ máy cán bộ để triển khai thực hiện trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS còn hạn chế do số lượng người thực hiện trợ giúp pháp lý biết tiếng dân tộc tại một số Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước còn ít nên một số trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý phải thông qua lực lượng cán bộ tại chỗ phần nào cũng ảnh hưởng đến kết quả trợ giúp pháp lý cho người dân do không kiểm soát được việc truyền đạt thông tin pháp luật.

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
3.8	Bộ Nội vụ	Công tác phối hợp giữa các ngành trong xây dựng, ban hành và thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến đội ngũ cán bộ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, vùng DTTS đôi khi chưa chặt chẽ, thường xuyên, kịp thời.
4		Công tác phối hợp và nắm thông tin chưa chặt chẽ, hiệu quả; công tác báo cáo chưa kịp thời, công tác triển khai chưa quyết liệt, việc kiểm tra đôn đốc chưa kịp thời
4.1	Bình Định	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đôi lúc chưa được thường xuyên; công tác phối hợp các sở, ngành, đoàn thể và các huyện liên quan để thực hiện một số nhiệm vụ UBND tỉnh giao đôi lúc chưa nhịp nhàng, đồng bộ nên công tác tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh đôi lúc còn chậm. - Việc kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện các chính sách của các cấp, các ngành có nơi chưa kịp thời.
4.2	Bình Phước	Công tác phối hợp tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh tuy đã có những chuyển biến tích cực nhưng công tác phối hợp báo cáo, cung cấp thông tin triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc còn chậm, chưa đảm bảo đúng quy định, đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.
4.3	Đắk Nông	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác kiểm tra, giám sát tuy đã được triển khai, nhưng chủ yếu là do cơ quan thường trực chương trình và các cơ quan chủ trì Chương trình tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá chung; một số Sở, ngành được giao phụ trách các nội dung, dự án thành phần chưa thật sự quan tâm, đẩy mạnh việc kiểm tra, thanh tra, giám sát các nội dung do đơn vị phụ trách. Vì vậy, đôi lúc chưa kịp thời tham mưu, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh các địa phương trong quá trình thực hiện Chương trình. - Công tác quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình của một số đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt, kịp thời; một số đơn vị, địa phương chưa chủ động nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh để triển khai thực hiện.
4.4	Gia Lai	+ Công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình vùng đồng bào DTTS&MN và kết quả thực hiện Chương trình ở nhiều địa phương còn hạn chế; chất lượng số liệu báo cáo chưa đầy đủ và kịp thời, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành chung của tỉnh.

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
4.5	Hà Nội	<p>- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ của một số cơ quan, đơn vị trong thực hiện một số nhiệm vụ chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến tiến độ theo chương trình, kế hoạch đề ra.</p> <p>- Sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn cấp huyện và các xã vùng DTTS còn thiếu chặt chẽ, thông tin số liệu chưa đảm bảo chính xác, kịp thời.</p>
4.6	Kon Tum	<p>- Công tác thống kê, tổng hợp một số chỉ tiêu, mục tiêu còn gặp khó khăn như: chỉ tiêu thu nhập bình quân/người/năm của người DTTS. Công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác dân tộc và các chương trình, chính sách dân tộc của một số địa phương chưa kịp thời, chất lượng thông tin, báo cáo chưa đầy đủ làm ảnh hưởng đến công tác tổng hợp chung.</p>
4.7	Lào Cai	<p>Việc chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác dân tộc ở một số địa phương chưa được quan tâm sâu sát.</p>
4.8	Ninh Bình	<p>- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc của một số cấp ủy, chính quyền chưa đáp ứng nhu cầu của tình hình mới; chậm xây dựng chương trình, kế hoạch và phân công nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết, quyết định, dự án của cấp trên về công tác dân tộc, chính sách dân tộc</p> <p>- Công tác tuyên truyền vận động làm chuyển biến tư tưởng của quần chúng nhân dân ở một vài địa phương chưa sâu rộng; công tác kiểm tra, đôn đốc của một số cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chuyên môn chưa thường xuyên, kịp thời, hiệu quả chưa cao; hình thức tuyên truyền về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc có mục, chuyên mục chưa thực sự hấp dẫn. Sự phối hợp của một số ban, ngành, địa phương, đơn vị có thời điểm còn hạn chế.</p>
4.9	Quảng Trị	<p>Công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình vùng DTTS&MN và kết quả thực hiện các chính sách dân tộc ở nhiều địa phương còn hạn chế; chất lượng thông tin báo cáo chưa đầy đủ và kịp thời, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành chung.</p>
4.10	Tuyên Quang	<p>Việc quán triệt, triển khai, thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc của một số cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở còn chậm.</p>
4.11	Vĩnh Phúc	<p>- Công tác chỉ đạo, tham mưu phối hợp triển khai thực hiện chính sách dân tộc với cấp ủy, chính quyền cơ sở có việc còn chậm so với kế hoạch.</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
4.12	Quảng Ngãi	<p>- Sự phối hợp trong tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 giữa các sở ngành, địa phương chưa chặt chẽ, thiếu nhất quán.</p> <p>- Một số địa phương còn chưa quyết liệt, chủ động trong việc đôn đốc, tổ chức triển khai quyết liệt chính sách dân tộc dẫn đến kết quả triển khai và giải ngân vốn còn hạn chế.</p>
4.13	Hậu Giang	Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN của các đơn vị chưa kịp thời, chưa phản ánh hết những khó khăn, vướng mắc trong triển khai, thực hiện.
4.14	Cần Thơ	Công tác tham mưu ban hành các văn bản và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS còn chậm.
4.15	Trà Vinh	Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp đôi lúc chưa chặt chẽ, thiếu sự liên kết nên còn hạn chế trong việc lồng ghép các nguồn lực thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn. Tiến độ triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024 còn chậm.
4.16	Khánh Hòa	<p>- Công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động Nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia nói riêng ở các địa phương còn nhiều hạn chế, lực lượng làm công tác tuyên truyền còn mỏng, thiếu kỹ năng tuyên truyền, nội dung tuyên truyền chưa sát với nhu cầu của người dân.</p> <p>- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chậm ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch công tác dân tộc, chính sách dân tộc nói chung và Chương trình MTQG nói riêng ngay từ đầu năm 2024. Các địa phương chậm triển khai hỗ trợ xây dựng nhà ở; hỗ trợ phát triển sản xuất.</p> <p>- Công tác phối hợp triển khai thực hiện Chương trình giữa các sở, ngành và địa phương đôi lúc chưa kịp thời, một số vướng mắc chưa được các sở, ngành tháo gỡ và hướng dân kịp thời; tỷ lệ giải ngân các dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG DTTS&MN năm 2024 chưa đạt 100% kế hoạch đề ra.</p>
4.17	Kiên Giang	<p>- Một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa quan tâm sâu sát trong chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, trong quá trình thực hiện thiếu sự kiểm tra, đôn đốc.</p> <p>- Công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện từng lúc thiếu chặt chẽ. Một số</p>

TT	Bộ ngành/địa phương	Nội dung khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
		văn bản của bộ, ngành trung ương cơ bản đầy đủ, nhưng cũng còn vài nội dung chưa phù hợp với đặc thù của địa phương.
4.18	Bộ Tài chính	Một số đơn vị chưa mạnh dạn đổi mới cách nghĩ, cách làm trong công tác dân tộc; hoạt động chủ yếu dựa trên kinh nghiệm, khả năng vận dụng kiến thức được đào tạo vào thực tế chưa đạt được như kỳ vọng.
5		Các khó khăn khác như: Một số chính sách tại vùng DTTS dàn trải, định mức hỗ trợ thấp; các tác động bất lợi chung toàn cầu, nguồn lực đầu tư hạn chế... cũng gây khó khăn cho phát triển vùng DTTS&MN
5.1	Phú Thọ	Nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS&MN còn hạn chế. Nguồn thu ngân sách trên địa bàn các huyện thuộc vùng DTTS&MN còn thấp so với mức thu ngân sách nhà nước toàn tỉnh.
5.2	Hòa Bình	Do ảnh hưởng của mưa lũ, đông lốc và sạt lở đất của cơn bão số 3, vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh đã bị ảnh hưởng và thiệt hại lớn về người, tài sản, hoa màu,...
5.3	Quảng Trị	Thiên tai, bão lũ thường xuyên xảy ra đã bồi lấp, sạt lở nhiều diện tích đất sản xuất và làm hư hỏng nhiều công trình trên địa bàn
5.4	Vĩnh Long	Tình hình dịch bệnh tuy được kiểm soát tốt nhưng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, có dấu hiệu tăng trở lại và một số dịch bệnh trên người như sốt xuất huyết, tay chân miệng tăng cao so với cùng kỳ; một số ngành lĩnh vực sản xuất gặp khó khăn đã ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số.
5.5	Bộ Tư pháp	Nguồn lực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về dân tộc còn hạn chế do chưa có giải pháp thiết thực để tạo nguồn lực đầu tư cho công tác này (chủ yếu được thực hiện lồng ghép trong hoạt động chuyên môn nên hiệu quả chưa cao).